

Chuyển hướng trong bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ

Nguyễn Thị Hoàng Hạnh*

*Viện Luật Đại học Trung Sơn, Trung Quốc,
Số 135 Đường XinGang Xi, TP Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc*

Nhận ngày 06 tháng 01 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 02 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2015

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu về quá trình và xu hướng phát triển của thể chế bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ, thể chế được thiết lập ban đầu là thể chế đa phương trong khuôn khổ Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới WIPO và Tổ chức Thương mại Thế giới WTO. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) đã từng được đánh giá là xây dựng một tiêu chuẩn chung về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên do sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và kinh tế xã hội, thể chế đa phương không đem lại hiệu quả như các nước phát triển mong đợi nên các nước phát triển chuyển sang hướng đàm phán và thực hiện theo thể chế song phương, chủ yếu là các Hiệp định thương mại tự do – FTA nhằm tận dụng ưu thế kinh tế để yêu cầu các nước đang phát triển nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Xu hướng mới nhất để nâng cao các tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ là hiệp định do một số bên đàm phán và ký kết sau đó để mở cho các nước khác tự do tham gia, nổi bật hiện nay là Hiệp định thương mại chống hàng giả (ACTA) và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khó có thể cân bằng được lợi ích của cả nước phát triển và nước đang phát triển/kém phát triển nên cần sự nỗ lực của tất cả các bên tham gia, bởi vậy xây dựng một thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ thời kỳ hậu TRIPS vẫn là vấn đề đang được các nước quan tâm và cùng nỗ lực tham gia.

Từ khóa: Sở hữu trí tuệ, hiệp định song phương, hiệp định đa phương, cân bằng lợi ích.

Từ cuối thế kỷ trước mối quan hệ mật thiết giữa thương mại quốc tế với quyền sở hữu trí tuệ đã được các nước coi trọng và sản phẩm là Hiệp định TRIPS ra đời, trong đó vấn đề chống hàng giả và chống xâm phạm bản quyền luôn là vấn đề nóng bỏng và gây nhiều tranh cãi. Xoay quanh vấn đề này cộng đồng quốc tế đã ban

hành nhiều điều ước quốc tế song phương và đa phương. Hiệp định thương mại chống hàng giả (Anti-Counterfeiting Trade Agreement, ACTA) là một trong những tiến triển mới của hoạt động lập pháp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. ACTA tuy là một hiệp định mới, nhưng lại đề cập tới vấn đề trọng tâm đang có nhiều tranh cãi trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên bình diện quốc tế, hay nói cách khác vấn đề trọng tâm này đang phát triển và vươn xa trong bối cảnh lịch sử

* ĐT.: 84-904197261
Email: hanhnh77@yahoo.com

mới, vẫn là vấn đề “rượu cũ bình mới”. Khác với các hiệp định trước đó, nhằm đẩy mạnh nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ, ACTA thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế về tuân thủ các quyền sở hữu trí tuệ, thiết lập một khuôn khổ luật pháp quốc tế mới mà các quốc gia có thể gia nhập trên cơ sở tự nguyện và có thể tạo ra một thể chế bên ngoài các tổ chức quốc tế đã có.

1. Diễn tiến đa phương trong thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ và xu hướng phát triển

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là một trong các nội dung tôn trọng các quyền cơ bản của con người. Tuy nhiên, tính lãnh thổ có hữu trong chế độ sở hữu trí tuệ lại quyết định việc một quốc gia khi xây dựng chế độ sở hữu trí tuệ phải luôn xuất phát từ góc độ lợi ích của quốc gia mình, có xem xét tới vấn đề hài hòa bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia khác. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và mở rộng không ngừng các hoạt động thương mại quốc tế, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nếu chỉ dựa trên tiêu chí pháp luật trong nước đã cho thấy những khiếm khuyết và bất cập, ảnh hưởng nghiêm trọng thậm chí gây cản trở cho hoạt động trao đổi quốc tế các sản phẩm trí tuệ. Bởi vậy, nhu cầu mở rộng phạm vi bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ ngày càng rõ nét. Và mở ra một bước tiến quan trọng trong thể chế đa phương về bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ.

1.1. Xu hướng đa phương trong thể chế bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ: Từ BIRPI đến WIPO

Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Công ước Paris) và Công ước

Bern về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật (Công ước Bern) ra đời và có hiệu lực là sự khai thông con đường bảo hộ sở hữu trí tuệ bằng các điều ước quốc tế, cấu thành khung pháp luật cơ bản về bảo hộ đa phương đối với quyền sở hữu trí tuệ. Ban đầu có hai Văn phòng (một về Sở hữu công nghiệp và một về Bản quyền tác giả) được thành lập nhằm đảm bảo hoạt động quản lý hành chính hai công ước trên, nhưng vào năm 1893, hai văn phòng được hợp nhất lấy tên là: Ủy ban quốc tế thống nhất về Bảo hộ Sở hữu trí tuệ (United International Bureaux for the Protection of Intellectual Property, BIRPI). Là một tổ chức thường trực chịu trách nhiệm vận hành các điều ước quốc tế có liên quan, BIRPI ngay từ khi mới thành lập chịu trách nhiệm xử lý các công việc hành chính liên quan đến bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ, ví dụ như các công việc liên quan đến Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và Công ước Bern về bảo hộ quyền tác giả.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thế giới, những hạn chế trong hoạt động của BIRPI ngày càng thể hiện rõ nét, cụ thể ở những điểm sau: Thứ nhất, các thành viên của BIRPI chủ yếu là các nước phát triển châu Âu, thiếu sự tham gia của đại đa số các nước đang phát triển; Thứ hai, là một tổ chức hành chính giải quyết các vấn đề liên quan đến điều ước quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhưng các quyền tư pháp của BIRPI lại thiếu vắng sự trao quyền từ Liên hợp quốc; Thứ ba, so với các tổ chức quốc tế khác, BIRPI thiếu một tư cách pháp lý rõ ràng tương ứng với chức năng quyền hạn của mình. Những điểm yếu này dẫn tới tất yếu phải có sự “tái thiết” (re-design) [1] tổ chức này nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội của các nước. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO được thành lập chính là trên cơ sở của BIRPI. Tôn chỉ của WIPO là

thúc đẩy nâng cao mức độ bảo hộ pháp lý đối với quyền sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia, thực thi tốt các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy nghiên cứu học tập kinh nghiệm về cách xử lý của các điều ước đa phương để giải quyết các công việc liên quan đến lập pháp và hành pháp của các nước trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Năm 1974, WIPO chính thức trở thành một tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc, thực hiện chức năng quản lý các điều ước quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Cho đến nay WIPO vẫn đóng vai trò là một tổ chức chủ lực trong việc thúc đẩy hoạt động bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ. Sự ra đời của WIPO là cột mốc đánh dấu giai đoạn bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ đi vào thể chế hoạt động đa phương.

1.2. Từ WIPO đến TRIPS: Sự kết hợp bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ với thể chế mậu dịch đa phương

Từ khi thành lập, WIPO luôn phát huy vai trò chủ đạo của mình trong thể chế bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, WIPO cũng ngày càng thể hiện rõ những hạn chế của mình. Các điều ước quốc tế do WIPO quản lý chủ yếu thiên về lập pháp mà vắng bóng hoạt động hành pháp, đặc biệt là thiếu các quy định cụ thể và chi tiết về thực thi quyền trong các cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp của các nước, khi xuất hiện các tranh chấp thiếu cơ chế giải quyết tranh chấp mang tính ràng buộc hữu hiệu đối với các bên liên quan. Điều này khiến cả các nước phát triển và cả các nước đang phát triển đều không hài lòng với thể chế hiện hành của WIPO. Một mặt, WIPO can thiệp quá sâu vào việc ban hành các chính sách pháp luật trong nước liên quan đến sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển không có cách nào vượt ra khỏi ràng buộc của các điều ước quốc tế

để ban hành các quy định liên quan nhằm khuyến khích phát triển kinh tế và tiến bộ khoa học. Mặt khác, các nước phát triển lại cho rằng quyền sở hữu trí tuệ của mình không được bảo đảm một cách đầy đủ trong khuôn khổ thể chế của WIPO. Đối mặt với vấn đề hàng giả và nạn ăn cắp bản quyền ngày càng nghiêm trọng, WIPO ngày càng thể hiện “lực bất tòng tâm”. Tuy các nước phát triển định thông qua việc sửa đổi các điều ước quốc tế do WIPO quản lý như Công ước Paris để khắc phục thiếu sót này, nhưng trong quá trình tiến hành sửa đổi cụ thể do lập trường của các nước phát triển và các nước đang phát triển khác nhau quá xa nên việc sửa đổi các điều ước quốc tế này không đạt được mục đích chung. Chính vì vậy, tìm ra một cơ chế mới bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ ngoài khuôn khổ thể chế của WIPO trở thành lựa chọn tất yếu của các nước phát triển vào thời điểm đó. Các nước phát triển đã lựa chọn GATT – Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch cùng với thể chế hoạt động của WTO – Tổ chức Thương mại thế giới.

Năm 1986, Vòng đàm phán Uruguay bắt đầu đàm phán về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến thương mại và đề xuất một hiệp định riêng. Năm 1995 Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) chính thức có hiệu lực. Hiệp định TRIPS lần đầu tiên tạo mối liên hệ ở cấp độ quốc tế giữa vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế, đánh dấu cột mốc xây dựng chính thức khung mậu dịch đa phương về bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ. Hiệp định TRIPS đã đặt ra các tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu, tăng cường mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn thế giới. Đồng thời, Hiệp định TRIPS lần đầu tiên quy định một cách chi tiết về vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ, sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại của WTO để giải quyết

các tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ. Điều này giúp cho Hiệp định TRIPS trở thành hiệp định có cơ chế thực thi mạnh. Theo đó, Hiệp định quy định rất chặt chẽ về các quy phạm liên quan đến vấn đề thực thi, yêu cầu các bên ký kết phải áp dụng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, các biện pháp hải quan để xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, làm thay đổi căn bản mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên bình diện quốc tế, thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế toàn cầu trong đấu tranh chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, giảm thiểu cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại quốc tế [2].

Có thể nói ở giai đoạn mới phát triển hoạt động bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ, Hiệp định TRIPS và WIPO đều đã đóng vai trò tích cực và tạo thành một khung pháp lý đa phương trong lĩnh vực bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ.

1.3. Từ TRIPS đến TRIPS +: Những trở ngại trong hoạt động của thể chế đa phương về bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ

Cùng với sự phát triển của hoạt động thương mại và tốc độ quốc tế hóa của hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tình trạng ăn cắp bản quyền và hàng giả ngày càng tinh vi gây áp lực cho các nước phát triển. Hiệp định TRIPS và các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ do WIPO quản lý đều không thể ứng phó kịp thời, dường như đi vào vị thế nút cổ chai.

Trước tiên, các nước đang phát triển luôn nghi ngờ về tính tất yếu trong mối quan hệ giữa vấn đề sở hữu trí tuệ với thể chế mật dịch đa phương, dẫn đến việc Hiệp định TRIPS sau này không đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của các nước phát triển, ngoài ra các nước phát triển

cũng đã phải nhượng bộ các nước đang phát triển trong các nội dung như ưu đãi ở thời kỳ quá độ hoặc vấn đề sức khỏe cộng đồng. Bởi vậy, tuy các nước phát triển đóng vai trò chủ đạo trong xây dựng Hiệp định TRIPS nhưng các nước đang phát triển cũng được hưởng lợi không ít từ Hiệp định này. Có thể nói Hiệp định TRIPS ở một mức độ nào đó là sản phẩm của sự thỏa hiệp giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Lợi ích của các nước phát triển chưa được thể hiện một cách đầy đủ trong quá trình xây dựng Hiệp định TRIPS, là sản phẩm mà thể chế thương mại đa phương và bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ để lại cho thời kỳ hậu TRIPS.

Thứ hai, các nước phát triển và các nước đang phát triển trong quá trình thực hiện Hiệp định TRIPS thể hiện nhiều bất đồng và mâu thuẫn. Các nước phát triển cho rằng các tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được xác lập trong Hiệp định TRIPS đã không còn thích hợp với xu thế phát triển mới của nền kinh tế quốc tế, bởi vậy các nước phát triển đang nỗ lực chủ trương trên cơ sở Hiệp định TRIPS nâng cao hơn nữa tiêu chuẩn bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là đẩy mạnh các tiêu chuẩn “TRIPS +”. Đồng thời các nước phát triển đưa ra các quan ngại về tính linh hoạt quá lớn dành cho các nước đang phát triển, cho rằng việc cho phép chính phủ các nước đang phát triển có quyền tự do giảm mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ làm giảm hiệu quả của hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn thế giới. Chính vì vậy, các nước phát triển tận dụng sức ảnh hưởng mạnh về kinh tế và chính trị bắt đầu đẩy mạnh xây dựng các tiêu chuẩn “TRIPS +” thông qua các thể chế đa phương.

Tuy nhiên, mong muốn này của các nước phát triển gặp trở ngại từ các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển cho rằng Hiệp định TRIPS chỉ thiên về bảo hộ quyền sở hữu

trí tuệ có lợi cho các nước phát triển, chưa có những quy định về các vấn đề như bảo hộ tri thức truyền thống hay nguồn gen gắn với lợi ích của các nước đang phát triển và các nước kém phát triển, vấn đề li xăng cường bức... Ngoài ra, các nước đang phát triển cho rằng trong Vòng đàm phán Uruguay đã nhượng bộ nhiều, nhưng các nước phát triển để đổi lấy hiệu quả của Hiệp định TRIPS yêu cầu các nước đang phát triển phải cam kết một loạt các vấn đề nhưng không thành hiện thực, bởi vậy đã từ chối tiếp tục thảo luận vấn đề nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ [3].

Các bất đồng trên đây đã tạo nên những đối kháng về lập trường rõ rệt giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, tiến trình đàm phán về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thể chế mậu dịch đa phương cũng vì thế mà rơi vào “bế tắc”.

Để giảm thiểu tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như ăn cắp bản quyền, hàng giả... nhằm nâng cao ưu thế cạnh tranh trong các lĩnh vực liên quan các nước phát triển bắt đầu tìm con đường đàm phán khác ngoài thể chế đa phương để có thể đẩy nhanh thiết lập các tiêu chuẩn “TRIPS +”. Và con đường được lựa chọn là thông qua đàm phán các Hiệp định thương mại tự do (FTA: Free Trade Agreement), chủ yếu là các hiệp định song phương.

2. Sự phân ly trong thể chế đa phương về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển hướng sang thể chế song phương

Trong thể chế đa phương đại diện là WIPO và WTO, các tiêu chuẩn “TRIPS +” luôn bị trì hoãn khiến các nước phát triển không còn mong chờ vào các thể chế đa phương mà dần đi vào đàm phán song phương để dần nâng cao các tiêu chuẩn bảo hộ sở hữu trí tuệ, đặc biệt là bắt đầu

triển khai từ các đàm phán song phương mà các nước phát triển dễ nắm bắt, không chế hoặc theo các hiệp định thương mại tự do của khu vực.

2.1. Từ TRIPS đến FTA: Đặt hy vọng cao vào thể chế song phương trong bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ

Các nước phát triển khi tổng kết những được mất trong thể chế đa phương về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc tế nhận ra rằng sở dĩ thể chế TRIPS không thể hiện được mục tiêu như mong đợi của các nước phát triển chủ yếu là do trong thể chế của TRIPS số lượng các nước đang phát triển chiếm số đông và cùng hợp lực nên ở một mức độ nhất định hạn chế mong muốn của các nước phát triển khi muốn sử dụng thể chế TRIPS để phục vụ lợi ích của mình. Điều mà các nước phát triển lúc này dễ nghĩ tới nhất chính là tận dụng ưu thế kinh tế mạnh mẽ của mình để sử dụng “chủ nghĩa đơn phương”. Chính sách sở hữu trí tuệ theo chủ nghĩa đơn phương là chỉ một nước tận dụng ưu thế mạnh mẽ về kinh tế của mình để buộc các nước khác kém ưu thế hơn phải chấp nhận các chính sách về sở hữu trí tuệ do mình đặt ra. Và một chính sách của chủ nghĩa đơn phương nổi trội nhất là Điều khoản 301 trong Luật Thương mại của Hoa Kỳ. Vì chủ nghĩa đơn phương chỉ có thể có tác dụng khi sử dụng các lợi thế về mặt kinh tế để chi phối các nước khác nên cách làm này chưa chắc đã đi đến thành công mà thường chỉ tạo ra bầu không khí đối kháng kéo dài. Bởi vậy, Hiệp định thương mại tự do với đặc tính ôn hòa đã trở thành sự lựa chọn mới trong đàm phán về bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ.

Hiệp định thương mại tự do (FTA) có thể do hai nước hoặc nhiều hơn hai nước ký kết lập ra những điều khoản có lợi cho hoạt động đầu tư, tự do hóa thương mại mậu dịch...giữa các bên ký kết, trong đó có đề cập đến cả vấn đề

bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. FTA thường thông qua việc nâng cao tiêu chuẩn thực thi của các cơ quan hành pháp về sở hữu trí tuệ để quy định các loại quyền sở hữu trí tuệ mới và dần hạn chế hoặc loại bỏ các điều khoản mang tính linh hoạt, đẩy mạnh quy định các tiêu chuẩn “TRIPS +” [3]. Cơ chế của FTA chủ yếu thông qua đàm phán song phương để trực tiếp đặt ra các chính sách mậu dịch quốc tế thường chỉ ràng buộc các bên tham gia FTA. Bởi vậy, điểm xuất phát ký kết các FTA thường thấp, ký kết nhanh, phạm vi bao quát rộng, có thể ký kết liên tục với nhiều đối tác là ưu điểm của FTA. Bên cạnh đó, các nước phát triển chiếm vị trí tối quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu, điều này là yếu tố quyết định việc các nước đang phát triển phải nhượng bộ trong các FTA. Việc ký kết tham gia vào các FTA vừa là áp lực vừa là cơ hội cho các nước thành viên, khiến các nước thành viên sau khi tham gia nhận thấy được tính hợp lý của các FTA và từ đó tiếp nhận và tích cực thúc đẩy FTA. Ví dụ trước khi tham gia vào Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ NAFTA, các quy định về bảo hộ sáng chế đối với dược phẩm rất thấp, nhưng sau khi gia nhập NAFTA các nước thành viên khi đàm phán Hiệp định TRIPS lại tích cực khuyến khích các nước đang phát triển khác chấp nhận tiêu chuẩn bảo hộ mà Mỹ đưa ra [4].

Các nước phát triển nhận rõ được hiệu ứng này của FTA nên tích cực đi theo hướng đàm phán song phương để dần nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ sở hữu trí tuệ. Điều cần nhấn mạnh ở đây là sự chuyển hướng sang đàm phán song phương này chỉ là một trong những phương thức để các nước phát triển nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ chứ không có nghĩa là các nước phát triển từ bỏ thể chế đa phương mà mục đích của các nước này là phát triển các tiêu chuẩn bảo hộ “TRIPS +” bằng cả thể chế song phương và đa phương.

2.2. Những nhược điểm mang tính nội tại của FTA và khó khăn trong thể chế song phương về bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ

Tuy các nước phát triển hy vọng thông qua thể chế song phương, đại diện là hình thức FTA để nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ nhưng thực tế không nhận được hiệu quả như mong muốn. Trong quá trình thực thi FTA, những nhược điểm mang tính nội tại và khó khăn của cơ chế song phương ngày càng thể hiện rõ nét.

Trước tiên, do phạm vi các nước tham gia FTA có hạn và chi phí cho việc đàm phán ký kết cao dẫn tới hạn chế về phạm vi và hiệu quả áp dụng. Đồng thời, không giống với các điều ước quốc tế đa phương, FTA thường được xuất hiện dưới hình thức song phương. Và các điều ước song phương lại mang tính định hướng đối nội, tức là thường phân đoạn giữa các nước ký kết trong bối cảnh lợi ích chung không thay đổi. Điều này có nghĩa là một bên ký kết thông qua FTA thu được lợi ích nhiều thì đương nhiên bên kia sẽ bị giảm thiểu lợi ích. Khi các nước phát triển và các nước đang phát triển cùng ký kết FTA thường không nảy sinh vấn đề gì lớn, bởi vì các nước phát triển chiếm giữ vị trí ưu thế có thể sử dụng phát triển kinh tế như một điều kiện để ép các nước đang phát triển phải chấp nhận kết quả phân chia lợi ích không có lợi cho mình. Tuy nhiên, đối với hai nước phát triển cùng tham gia vào FTA, thì tình hình sẽ trở nên phức tạp hơn nhiều. Đặc biệt là khi giữa hai nước tồn tại mối quan hệ cạnh tranh rõ rệt về các chính sách kinh tế đối ngoại và trình độ phát triển kinh tế thì việc ký kết các FTA sẽ rất khó khăn. Điều này lý giải tại sao mà Hoa Kỳ và EU cho đến nay vẫn chưa ký kết được FTA. Đồng thời, ngày càng nhiều các hình thức hiệp định khác quy định những nguyên tắc về ưu đãi và nguồn gốc xuất xứ khác nhau, khiến xảy ra tình trạng chồng chéo, trùng lặp giữa các FTA, như “hiện tượng bát mỳ” (spaghetti bowl effect) [5].

Thứ hai, các nước đang phát triển không thừa nhận thể chế song phương trong bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ mà đại diện là các FTA. Thể chế song phương trong bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ mà đại diện là các FTA đã phát huy hiệu ứng của mình, và thường được quyết định bởi thực lực kinh tế của một quốc gia, tuy nhiên, phương thức đàm phán trong thể chế song phương chỉ có lợi cho các nước phát triển, còn đối với các nước đang phát triển và đặc biệt là các nước kém phát triển lại không có lợi. Bởi vậy, các nước đang phát triển thường xung đột với các nước phát triển trong hoạt động đẩy mạnh FTA, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn “TRIPS +”, điều này quyết định tới việc hạn chế phạm vi ảnh hưởng của FTA tới các nước đang phát triển. Lấy Hoa Kỳ làm ví dụ, là một trong những nước phát triển luôn muốn thúc đẩy ký kết các FTA, đến nay Hoa Kỳ đã ký kết với 19 nước[6], trong đó có Úc, Bahrain, Canada. Nhưng nếu phân tích kỹ có thể thấy trong số các nước ký kết lại không có Ấn Độ và Trung Quốc – những nước có tình trạng ăn cắp bản quyền và hàng giả nghiêm trọng, điều này khiến người ta nghi ngờ về hiệu quả thực tế của các FTA mà Hoa Kỳ đã ký kết.

Từ đó có thể nhận thấy, thể chế song phương mà đại diện là các FTA không phải là sự thay thế hoàn hảo cho thể chế đa phương trong đàm phán về bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ, thậm chí còn làm vấn đề trở nên phức tạp hơn.

3. Ban hành Hiệp định thương mại chống hàng giả (ACTA: Anti-Counterfeiting Trade Agreement) và sự nổi lên của thể chế đàm phán thỏa thuận nhiều bên trong bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ

Theo đúng như tên gọi, ACTA là một đạo luật với mục tiêu là chống hàng giả và ăn cắp

bản quyền, xét về tính chất, ACTA là một loại điển hình của thỏa thuận nhiều bên (plurilateral agreement). Các nước thành viên tự nguyện gia nhập và hiệp định chỉ có hiệu lực với các nước thành viên. ACTA ra đời là kết quả của cả nỗ lực quốc gia và quốc tế. Một mặt sau khi nảy sinh cuộc khủng hoảng kinh tế, nền kinh tế toàn cầu rơi vào trạng thái trầm lắng, các nước phát triển gấp rút tìm con đường mới để tăng trưởng nền kinh tế nhằm làm chậm và giảm tình hình suy thoái trong nước, và việc nâng cao các tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ trở thành bước đột phá để các nước phát triển làm giảm bớt áp lực kinh tế. Mặt khác, lợi ích của các nước phát triển gặp nhiều cản trở trong khuôn khổ pháp lý đa phương hiện hành, khiến các nước phát triển từ lâu đã không hài lòng với cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà nền tảng là WIPO và WTO. Bên cạnh đó việc thúc đẩy xây dựng các tiêu chuẩn “TRIPS +” thông qua đàm phán song phương cũng không đạt được kết quả như mong muốn. Chính vì vậy các nước này lại nỗ lực tìm con đường mới để nâng cao mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở tầm quốc tế. ACTA áp dụng phương thức một số nước đàm phán thỏa thuận và cùng ký kết hiệp định, sau đó mở cho các thành viên khác có thể gia nhập bất cứ lúc nào[7].

ACTA chỉ là bước khởi đầu của các nước phát triển trong chiến dịch đẩy mạnh tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ, ở một mức độ nào đó chỉ đóng vai trò thử nghiệm. Con đường lập pháp mà ACTA khởi nguồn và mục tiêu mang tính chính sách mà các nước phát triển theo đuổi đang được các điều ước quốc tế sau này thừa kế và phát triển. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP: Trans-Pacific Partnership Agreement) là một ví dụ điển hình. TPP là Hiệp định do Hoa Kỳ khởi nguồn, nhiều nước bao gồm cả nước phát triển và nước đang phát triển đều tham gia và đang trong quá trình

đàm phán. Vấn đề sở hữu trí tuệ cũng là một trong những vấn đề nổi bật còn nhiều tranh cãi trong TPP. Có thể thấy TPP đi theo con đường lập pháp của ACTA, học tập nhiều kinh nghiệm từ ACTA và các FTA. Thậm chí có học giả gọi TPP là “ACTA phiên bản 2.0” [8].

4. Các chiến lược được sử dụng để thay đổi thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ

Sự chuyển hướng từ cơ chế của WIPO đến Hiệp định TRIPS, và từ TRIPS đến FTA đều chưa thể hiện rõ nét cuộc chơi tranh giành lợi ích giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển trong vấn đề bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ. ACTA và kế tiếp là TPP là sự phát triển mới nhất của cuộc chơi này, sự ra đời của ACTA phản ánh chiến lược chủ đạo của các nước phát triển trong quá trình chuyển hướng thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ. Phân tích và tìm hiểu kỹ nội hàm của chính sách này thì mới có thể hiểu rõ ý nghĩa quan trọng của những phát triển mới trong lĩnh vực bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ thời kỳ hậu TRIPS.

4.1. Chiến lược “Chuyển hướng diễn đàn” (Forum Shifting) trong chuyển đổi thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ

Nhìn lại quá trình phát triển trong chế độ bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ từ WIPO đến WTO, từ thể chế đa phương đến thể chế song phương đều có thể nhận thấy tính linh hoạt trong lựa chọn môi trường đàm phán về vấn đề này. Tính linh hoạt này được các nước phát triển áp dụng như chiến lược Forum Shifting – Chuyển hướng diễn đàn.

Nội hàm của Chuyển hướng diễn đàn là chỉ một chủ thể có thể chuyển từ diễn đàn này sang diễn đàn khác, hoặc có thể hoàn toàn rút khỏi

một diễn đàn nào đó (ví dụ như vào thập niên 80 của thế kỷ trước Hoa Kỳ đã từng rút khỏi UNESCO), hoặc đồng thời có thể tham gia nhiều diễn đàn [9]. Sự chuyển hướng này có thể là chuyển hướng theo chiều rộng và cũng có thể là chuyển hướng theo chiều sâu. Đương nhiên, bất luận là theo chiều gì thì về thực chất đều là tránh “sự can thiệp” của các nước đang phát triển, tìm ra điều kiện có lợi nhất cho các nước phát triển, để từ đó chiếm quyền khống chế tuyệt đối trong lĩnh vực bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ. Nhìn lại lịch sử phát triển bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ có thể dễ nhận thấy vấn đề bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ thiết lập mối liên hệ với thể chế thương mại quốc tế đầu tiên là do các nước phát triển mượn quyền uy trong lĩnh vực thương mại quốc tế để đẩy mạnh chiến lược quốc gia. Nhưng khi các nước đang phát triển ngày càng chín muồi thì lực lượng này dần lớn mạnh khiến các nước phát triển cảm thấy như bị trói chân buộc tay trong thể chế đa phương. Chính vì vậy mà thể chế song phương với đại diện là các FTA được nổi lên. Khi mà thể chế song phương cũng không đem lại kết quả như mong đợi là nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì thể chế nhiều bên tham gia với đại diện là ACTA lại là sự lựa chọn mới của các nước phát triển. Bởi vậy vấn đề sở hữu trí tuệ và thể chế thương mại với nhiều bên tham gia luôn là mục tiêu mà các nước phát triển hướng tới. Đúng như một học giả Hoa Kỳ đã nhận xét: “Giá trị đích thực của ACTA là ở chỗ nó nằm ngoài thể chế WTO và các thể chế khác, là con đường mẫu cho ‘chuyển hướng diễn đàn’ trong lĩnh vực thảo luận về bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ” [10].

Chiến lược Chuyển hướng diễn đàn đang thịnh hành ở các nước phát triển là coi vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ như một công cụ chiến lược đẩy mạnh tư duy của mình ra toàn cầu. Mục đích của các nước phát triển là nâng

cao tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mặc dù luôn được khoác áo là “chống hàng giả” và “chống ăn cắp bản quyền”. Nói cho cùng thì “chống hàng giả” và “chống ăn cắp bản quyền” chỉ là mục đích biểu hiện bên ngoài của ACTA, bất luận là ngay từ đầu việc ban hành Hiệp định TRIPS nhằm trói buộc vấn đề sở hữu trí tuệ vào thể chế đa phương hay ban hành ACTA nhằm mục đích ràng buộc thể chế đa phương thì các nước phát triển luôn thể hiện một động cơ thống nhất trên các diễn đàn khác nhau, đó là đẩy mạnh ưu thế của các cường quốc trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và mở rộng chính sách toàn cầu về sở hữu trí tuệ.

4.2. Chiến lược “chê nhỏ vấn đề” trong chuyên hướng bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ

Trong lựa chọn nội dung đàm phán cụ thể, các nước phát triển sử dụng chiến lược “chê nhỏ vấn đề”. Chiến lược “chê nhỏ vấn đề” có nghĩa là các nước phát triển không gộp tất cả các vấn đề lại để giải quyết mà lựa chọn ra những vấn đề có lợi cho mình để giải quyết trước, né tránh các vấn đề bất lợi. Chiến lược “chê nhỏ vấn đề” được áp dụng khi các nước phát triển gặp trở ngại trong phương thức đàm phán “trộn gói” áp dụng trong WTO. Cách thức đàm phán “trộn gói” lúc đầu được các nước phát triển lựa chọn là để tránh tình trạng các nước đang phát triển có thể lựa chọn né tránh một vài vấn đề trong WTO. Tuy nhiên cách thức đàm phán này lại cản trở việc đẩy mạnh đàm phán các tiêu chuẩn “TRIPS +” nên các nước phát triển lúc này lựa chọn phương thức “chê nhỏ vấn đề”. “Chê nhỏ vấn đề” né tránh đề cập đến các vấn đề mà các nước phát triển đang chiếm ưu thế như vấn đề tri thức truyền thống hay nguồn gen. Áp dụng phương thức này khiến các nước đang phát triển mất đi ưu thế trong cuộc chơi đàm phán về nâng cao tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ. Đối

mặt với các tiêu chuẩn “TRIPS +” mà các nước phát triển đưa ra, các nước đang phát triển đang ngày càng bị thu hẹp không gian phát triển ưu thế của mình.

Chiến lược “chê nhỏ vấn đề” được thể hiện rõ trong xây dựng ACTA. Mặc dù Hiệp định TRIPS đã kết nối sở hữu trí tuệ với vấn đề thương mại nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu có lợi cho các nước phát triển. Vì vậy tính cố định của sự liên kết này dễ bị lung lay. ACTA ngược lại phá bỏ mối liên quan này, không chỉ rút vấn đề sở hữu trí tuệ ra khỏi tổng thể các vấn đề thương mại mà còn bàn riêng về vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Chúng ta đều biết lĩnh vực lập pháp và lĩnh vực thực thi quyền sở hữu trí tuệ là hai bộ phận cấu thành nên Hiệp định TRIPS, tuy nhiên ở một mức độ nhất định nhằm duy trì sự cân bằng lợi ích giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Trong lĩnh vực lập pháp về sở hữu trí tuệ do các nước đang phát triển chiếm ưu thế về mặt thiên nhiên trong các vấn đề về tri thức truyền thống hay nguồn gen, đặc biệt là mấy năm trở lại đây các nước đang phát triển rất tích cực yêu cầu đưa vấn đề bảo hộ tri thức truyền thống và nguồn gen vào hệ thống bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ gây áp lực cho các nước phát triển, bởi vậy các nước phát triển suốt một thời gian dài vẫn lưỡng lự trong việc chấp nhận những quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng mới mà các nước đang phát triển yêu cầu. Trong lĩnh vực thực thi quyền sở hữu trí tuệ, do tình hình đặc biệt của các nước đang phát triển quyết định mức độ thực thi quyền sở hữu trí tuệ thấp, vì vậy hệ quả của việc thống nhất tiêu chuẩn thực thi quyền sở hữu trí tuệ là các nước đang phát triển hầu như chỉ có nghĩa vụ thực thi các yêu cầu quá cao và dường như có được rất ít quyền lợi. Các nước phát triển nhận thức rõ được điều này nên đã xây dựng khung pháp luật về thực thi các quyền sở hữu

trí tuệ tương đối toàn diện gồm thực thi bằng các biện pháp dân sự, biện pháp hình sự, biện pháp biên giới tới thực thi trong môi trường số hóa. Bên cạnh đó ACTA quy định khá chi tiết về các vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và các chế độ hoạt động của Ủy ban ACTA, kết quả là các nước phát triển ngày càng mở rộng ưu thế của mình trong lĩnh vực thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đương nhiên, ACTA quy định riêng về vấn đề sở hữu trí tuệ tách ra khỏi vấn đề thương mại sẽ có những rủi ro riêng. TPP lại lựa chọn kéo vấn đề sở hữu trí tuệ quay lại gắn với vấn đề thương mại. Tuy hai cách làm khác nhau nhưng đều theo tư duy “chê nhỏ vấn đề”.

4.3. Chiến lược “kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu” trong chuyển hướng thể chế bảo hộ quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ

Chiến lược “kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu” là diễn biến và sự nâng cấp chiến lược “phân hóa” của các nước phát triển. Chiến lược “kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu” bao gồm hai chiến lược kết hợp chiều rộng và kết hợp chiều sâu. Chiến lược kết hợp chiều rộng là chỉ trong quá trình xây dựng thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ các nước phát triển đẩy mạnh mục tiêu chính sách của mình thông qua thể chế đa phương. Còn chiến lược kết hợp chiều sâu là việc các nước phát triển lấy kinh tế hoặc các lợi ích khác làm môi cầu, thông qua hình thức đàm phán song phương hoặc khu vực để thu hút một hoặc một số nước đang phát triển tham gia vào thể chế mà các nước phát triển đã dự kiến xây dựng trước. Kết quả của việc thực thi chiến lược “kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu” là sẽ làm cho ngày càng gia tăng sự đối lập và khác biệt giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển trong lĩnh vực bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ.

ACTA gồm các cường quốc kinh tế chủ yếu của thế giới tham gia như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản... dường như vắng bóng sự phát triển của những nước đang phát triển lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, phương thức áp dụng của ACTA chính là chiến lược kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Nếu như nói ACTA chỉ là bước thử nghiệm khởi đầu của chiến lược này thì TPP sẽ có những bước đi thành thực hơn. TPP đã học tập kinh nghiệm lập pháp của cả ACTA và FTA trên cơ sở các tiêu chuẩn về thực thi quyền sở hữu trí tuệ mà ACTA đã lập ra nâng cao hơn nữa các tiêu chuẩn “TRIPS +”. Trong TPP, vấn đề sở hữu trí tuệ được đưa vào các nguyên tắc về thương mại hàng hóa, nguồn gốc xuất xứ, y tế và vệ sinh thực vật, trao đổi kỹ thuật, dịch vụ, mua sắm công, chính sách cạnh tranh... Đương nhiên, chính sách “kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu” của ACTA đã được TPP kế thừa và phát triển. Chính phủ Hoa Kỳ thông qua chính sách này để phân hóa và làm suy yếu ảnh hưởng của APEC và ASEAN trong khu vực châu Á. Đồng thời với việc nâng cao các tiêu chuẩn bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ ở châu Á khôi phục lại chiến lược phù hợp với lợi ích của Hoa Kỳ nhằm tăng cường lợi ích kinh tế và vai trò của Hoa Kỳ đối với khu vực này.

Chính sách “kết hợp cả chiều rộng lẫn chiều sâu” của nước phát triển có tiền triển nhưng không thuận lợi. Các điều ước quốc tế như ACTA gặp phải sự phản đối của các nước đang phát triển, cho rằng giữa ACTA, TRIPS và các hiệp định khác của WIPO tồn tại những quy định mâu thuẫn với nhau dẫn tới tính không xác định của pháp luật: ACTA chủ yếu ép buộc các nước tham gia thực thi mà không xem xét đến trình độ phát triển của các nước, các quy định vượt quá tiêu chuẩn bảo hộ quy định trong Hiệp định TRIPS.

5. Kết luận

Mặc dù việc tham gia ACTA còn gây nhiều tranh cãi, đặc biệt là các nước đang phát triển còn đang phải cân nhắc nhiều, nhưng có thể nói ACTA vẫn là một xu hướng phát triển mới trong thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ. Quá trình đàm phán xây dựng ACTA thiếu vắng sự tham gia của các nước đang phát triển, các quy định trong ACTA được xây dựng không xét tới lợi ích của các nước đang phát triển, đi ngược với trật tự cân bằng lợi ích được thiết lập trong khuôn khổ TRIPS và WIPO, bởi vậy xây dựng một thể chế bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ thời kỳ hậu TRIPS vẫn là vấn đề đang được các nước quan tâm và cùng nỗ lực tham gia.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ruth L. Okediji, WIPO—WTO Relations and the Future of Global Intellectual Property Norms , Netherlands Yearbook of International Law 39 (2008) 74.
- [2] Timothy P. Trainer, Intellectual Property Enforcement: A Reality Gap (Insufficient Assistance, Ineffective Implementation)? [J], The John Marshall Review of Intellectual Property Law 01 (2008) 72.
- [3] Bryan Mercurio, Trips-Plus Provisions in FTAs: Recent Trends [M]// Lorand Bartels, Federico Ortino. Regional Trade Agreements and the WTO Legal System, London: Oxford University Press (2006) 216.
- [4] Judy Rein, International Governance through Trade Agreement: Patent Protection for Essential Medicines, Northwestern Journal of International Law & Business 21 (2001) 392.
- [5] Battigalli, Pierpaolo and Giovanni Maggi. Rigidity, Discretion and the Costs of Writing Contracts [J], American Economic Review Vol. 92 (04) (2002) 798.
- [6] <http://www.ustr.gov/trade-agreements/free-trade-agreements>.
- [7] Kanaga Raja, Concerns raised over ACTA at TRIPS Council, http://www.twinside.org.sg/title2/intellectual_property/info.service/2010/ipr.info.101102.htm.
- [8] Ana Ramalho. Is secrecy the new black in IP? [J]. Journal of Intellectual Property Law & Practice 05 (2012) 316.
- [9] Peter Drahos. Securing the Future of Intellectual Property: Intellectual Property Owners and their Nodally Coordinated Enforcement Pyramid, Case Western Reserve Journal of International Law 01 (2004) 53.
- [10] Bryan Mercurio, Beyond The Text: The Significance of The Anti-Counterfeiting Trade Agreement, Journal of International Economic Law Vol.15 (2012) 29.

Changing Direction in International Protection of Intellectual Property Rights

Nguyễn Thị Hoàng Hạnh

School of Law, Sun Yat-Sen University, China,

No. 135 XinGang Xi Road, Guangzhou City, Guangdong Province, China

Abstract: The article introduces the process and the development trends of international institution for protection of intellectual property rights. The institution was initially set up as a multilateral institution in the frameworks of the World Intellectual Property Organization (WIPO) and the World

Trade Organization (WTO). The Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS) was believed to have built common standards for the protection of intellectual property rights. However, due to the rapid development of science, technology and economic society, multilateral agreements fell short of the expectations from the developed countries. As a result developed countries switched to negotiations and implemented bilateral agreements which were mainly the Free Trade Agreements – FTA in order to take advantage of their economic strengths and require developing countries to improve standards for the protection of intellectual property rights. The latest trend to improve the international standards for the protection of intellectual property rights is to allow some parties to participate in the process of negotiations and signing, and then provide other countries the freedom to participate in the agreements. Some significant examples for this trend are The *Anti-Counterfeiting Trade Agreement* (ACTA) and The *Trans-Pacific Partnership Agreement* (TPP). In the attempt to protect the intellectual property rights, it is really difficult to balance the benefits of both developed and developing countries/lest developed countries. Therefore, the efforts from all participating parties play a fundamental role in the current situation. Setting up a system for the international protection of intellectual property rights in the post-TRIPs period is still an important issue that concerns and requires efforts from the involving countries.

Keywords: Intellectual Property, bilateral agreements, multilateral agreements, balance of interests.

